

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2339/QĐ-UBND

Định Quán, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của xã Định Quán

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH QUÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Định Quán khóa I - kỳ họp lần thứ 6 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Định Quán khóa I - kỳ họp lần thứ 6 về kế hoạch thu NSNN trên địa bàn và dự toán thu - chi ngân sách địa phương xã Định Quán năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Định Quán khóa I - kỳ họp lần thứ 6 về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công xã Định Quán năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Định Quán năm 2026 (có các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng phòng KBNN khu vực XVII - Phòng giao dịch số 2; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Các Phó CT.UBND xã;
- Chánh, các Phó chánh VP;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Thanh Trúc



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đình Quán)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	452.198.000
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	56.816.000
1	Thu NSDP hưởng 100%	19.476.000
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	37.340.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	395.382.000
1	Thu bổ sung cân đối	395.382.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NSDP	452.198.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	452.198.000
1	Chi đầu tư phát triển	62.288.000
2	Chi thường xuyên	380.176.000
3	Dự phòng ngân sách	9.734.000
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	
III	Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách	

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Định Quán)

ĐVT: 1.000 đồng

ST T	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	94.048.000	56.816.000
I	Thu nội địa	94.048.000	56.816.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	36.269.000	21.525.000
-	Thuế giá trị gia tăng	29.614.000	17.472.000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	112.000	66.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.235.000	3.679.000
-	Thuế tài nguyên	308.000	308.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	9.750.000	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	12.100.000	12.100.000
8	Thu phí, lệ phí	3.706.000	1.700.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	368.000	368.000
11	Tiền cho thuê đất	154.000	123.000
12	Tiền cho thuê mặt nước		
13	Tiền sử dụng đất	20.000.000	16.000.000
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
17	Thu khác ngân sách	11.701.000	5.000.000
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		0
II	Thu viện trợ		



ĐỊNH QUÁN
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đình Quán)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	NSDP
1	2	3
	Tổng chi ngân sách (A+B)	452.198.000
A	Các khoản chi trong cân đối	452.198.000
I	Chi đầu tư phát triển	62.288.000
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	27.633.000
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	16.000.000
3	Nguồn xổ số kiến thiết	18.655.000
II	Chi thường xuyên	380.176.000
	Trong đó:	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	248.586.000
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	8.107.000
III	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	0
IV	Chi dự phòng ngân sách	9.734.000
B	Chi từ nguồn huy động đóng góp	0
1	Chi đầu tư phát triển	0
-	Chi XHH giao thông nông thôn	0
2	Chi sự nghiệp kinh tế	0
-	Chi sự nghiệp kinh tế	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH GIAO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Định Quán)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI DỰ PHÒNG
	TỔNG SỐ	452.198.000	62.288.000	380.176.000	9.734.000
	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ	380.176.000	-	380.176.000	-
1	Văn phòng Đảng uỷ xã	7.031.400		7.031.400	
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	4.261.000		4.261.000	
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	29.367.547		29.367.547	
4	Phòng Kinh tế	29.276.000		29.276.000	
5	Phòng Văn hoá - Xã hội	49.714.400		49.714.400	
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	1.480.453		1.480.453	
7	Trung tâm Chính trị	1.271.022		1.271.022	
8	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	7.042.000		7.042.000	
9	Trường MN Hoa Hồng	7.441.364		7.441.364	
10	Trường MN Phú Hiệp	8.958.518		8.958.518	
11	Trường MN Tuổi Ngọc	9.808.240		9.808.240	
12	Trường MN Sơn Ca	8.941.248		8.941.248	
13	Trường MN Ngọc Lan	7.403.258		7.403.258	
14	Trường MN Phú Ngọc	9.296.605		9.296.605	
15	Trường MN Hoa Phượng	5.771.604		5.771.604	
16	Trường MN Sao Mai	8.713.973		8.713.973	
17	Trường TH Chu Văn An	12.458.056		12.458.056	
18	Trường TH Trung Vương	10.429.606		10.429.606	
19	Trường TH Nguyễn Du	9.900.328		9.900.328	
20	Trường TH Kim Đồng	10.759.352		10.759.352	
21	Trường TH Trần Quốc Tuấn	9.514.882		9.514.882	
22	Trường TH Hùng Vương	7.147.565		7.147.565	
23	Trường TH Liên Ngọc	6.462.668		6.462.668	
24	Trường TH Phú Ngọc B	14.109.013		14.109.013	
25	Trường TH Quang Trung	3.915.078		3.915.078	
26	Trường TH Nguyễn Khuyến	10.199.267		10.199.267	
27	Trường THCS Ngô Thời Nhiệm	18.157.461		18.157.461	
28	Trường THCS Nguyễn T Minh Khai	11.901.258		11.901.258	
29	Trường THCS Lê Thánh Tông	17.417.241		17.417.241	
30	Trường THCS Ngọc Định	6.041.353		6.041.353	
31	Trường THCS La Ngà	14.996.062		14.996.062	
32	Chi khác	1.581.200		1.581.200	
33	Tiết kiệm chi thường xuyên	8.036.000		8.036.000	
34	Dự toán chưa phân bổ	11.370.978		11.370.978	

